

TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 143^{*} -BC/TU

Đắk Nông, ngày 16 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/4/2011 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến 2020, gắn với đánh giá việc thực hiện các đề án trong ngành nông nghiệp

TRƯỞNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐẮK NÔNG

ĐẾN

Số: 143
Ngày: 20/12/2021
Người ký: BC

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/4/2011 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết 04-NQ/TU), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, như sau:

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình sản xuất nông nghiệp

Đắk Nông là tỉnh có lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu và đất đai để phát triển nông nghiệp, đa dạng các sản phẩm nông sản chất lượng cao với 04 sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (cà phê, hồ tiêu, điều và cao su), 03 sản phẩm tiềm năng (bò thịt, cây dược liệu và mắc ca) và 16 sản phẩm chủ lực địa phương¹. Kinh tế nông nghiệp giữ vị trí là 1 trong 3 trụ cột của nền kinh tế nội tỉnh; cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch theo đúng định hướng, giảm dần tỷ trọng nhưng vẫn bảo đảm tăng về giá trị sản xuất, một số nét nổi bật như: Trồng trọt quy mô sản xuất được mở rộng, tổng diện tích đất sản xuất đến năm 2020 là 380.945 ha (tăng 74.196 ha so với năm 2010)²; chăn nuôi phát triển khá, tổng đàn gia súc đạt 266.531 con (tăng 92.800 con), đặc biệt chăn nuôi heo phát triển mạnh trong những năm gần đây (đàn heo 200.279 con, tăng 67.191 con, tương đương tăng hơn 1,5 lần) với phương thức cơ bản chuyển từ nông hộ sang trang trại theo chuỗi giá trị. Kinh tế tập thể chuyển biến tích cực, chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp được nâng cao (hơn 50% Hợp tác xã hoạt động hiệu quả); Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) bước đầu phát huy được hiệu quả với 41 sản phẩm³ đạt tiêu chuẩn 3 đến 4 sao; các sản phẩm OCOP đa dạng, phong phú, chất lượng, mẫu mã bao bì đẹp và truy xuất được nguồn gốc. Chương trình xây dựng nông thôn mới

¹ Lúa, ngô, khoai lang, sắn, đậu tương, đậu lạc, sầu riêng, bơ, cây ăn quả có múi, mít, xoài, chanh dây, heo thịt, gà, vịt, cá nước ngọt và gỗ nguyên liệu rừng trồng.

² Trong đó, một số loại cây trồng phát triển mạnh như: Cà phê 130.463 ha (tăng 54.517 ha), hồ tiêu 34.321 ha (tăng 27.194 ha), cây ăn quả 12.505 ha (tăng 9.011 ha),...

³ Gồm: 05 sản phẩm là trái cây tươi; 19 sản phẩm chế biến từ cà phê, ca cao; 02 sản phẩm từ Tiêu; 02 sản phẩm từ Điều; 03 sản phẩm từ Gạo và chế biến từ gạo; 05 sản phẩm chế biến từ sắn; 02 sản phẩm chế biến từ đồng trùng hạ thảo; 01 sản phẩm chế biến từ quả măng cầu; 01 sản phẩm chế biến từ thịt bò và 01 sản phẩm từ Mật ong.

đạt nhiều kết quả quan trọng, có 29/60 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm tỷ lệ 48,3%), hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được cải thiện, diện mạo mới cho nông thôn có nhiều khởi sắc, các thiết chế văn hoá được củng cố, phát huy hiệu quả,... qua đó góp phần phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn.

Về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là xu thế tất yếu, là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là động lực để tái cơ cấu nền nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Thời gian qua, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đang từng bước được các tổ chức, cá nhân đầu tư mở rộng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình bước đầu đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đến nay, tỉnh đã thành lập Khu, điểm nông nghiệp công nghệ cao để kêu gọi đầu tư, đồng thời xây dựng, hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (dự kiến đến năm 2035 hình thành và phát triển 55 vùng) để phát triển sản xuất các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, thế mạnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, tạo thu nhập ổn định cho người dân. Hiện nay, UBND tỉnh triển khai Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh⁴.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các bộ, ngành Trung ương trong việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định đây là nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, lâu dài trong lãnh đạo, chỉ đạo và đặc biệt là sự đồng tình, hưởng ứng của người dân và doanh nghiệp.

Tỉnh Đắk Nông có điều kiện khí hậu, đất đai thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi đặc biệt là cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao, đây là điều kiện tiên quyết để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hệ thống giao thông nội bộ và liên vùng thông suốt, kết nối các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh,... là yếu tố thuận lợi để thu hút, hợp tác đầu tư và trao đổi, xúc tiến thương mại trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, sản phẩm hàng hóa và sử dụng có hiệu quả trên diện tích đất nông nghiệp là hướng phát triển

⁴ Kết quả: Công nhận 01 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nhận 04 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng diện tích 2.423,17 ha và tiếp tục hỗ trợ các địa phương rà soát, đánh giá, xây dựng Kế hoạch hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ các chủ thể (UBND xã) lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo đúng quy định,...

tất yếu, là giải pháp đột phá, động lực tái cơ cấu lại nền nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Đắk Nông là tỉnh thành lập sau, có điều kiện thuận lợi trong việc thăm quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương đi trước như: Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng,... và các nước trên thế giới (Hàn Quốc, Nhật Bản, Israel,...) trong việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt người nông dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và sẵn sàng tiếp cận với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Hệ thống khuyến nông tương đối hoàn chỉnh từ tỉnh đến thôn/bon/buôn, đội ngũ cán bộ khuyến nông có kiến thức và kỹ năng, đây là lực lượng nòng cốt trong việc chuyển giao các ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp đến bà con nông dân.

2.2. Khó khăn

Việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp là giải pháp mới, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và người lao động chưa đầy đủ; yêu cầu về kỹ thuật sản xuất cao; trình độ dân trí chưa đồng đều, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa,... nên gặp nhiều khó khăn trong việc tuyên truyền, chuyển giao và tiếp cận ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Điều kiện về kinh tế của người nông dân còn khó khăn, trong khi yêu cầu vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lại rất lớn; mức hỗ trợ từ các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thấp và chưa đồng bộ.

Sản xuất nông nghiệp chủ yếu theo kinh tế hộ, thiếu tính liên kết, sản xuất tự phát, tập quán canh tác truyền thống; chưa có sự hợp tác, liên kết chặt chẽ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản giữa doanh nghiệp và nông dân; chưa có các doanh nghiệp lớn mạnh làm nhiệm vụ dẫn dắt phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu, trong khi đó nguồn chi phí đào tạo rất lớn và môi trường làm việc còn nhiều hạn chế nên nguồn nhân lực công nghệ cao thiếu, yếu về năng lực thực hành, mối liên kết trao đổi với các viện, trường đại học, doanh nghiệp chưa cao.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, học tập, phổ biến, quán triệt, kế hoạch thực hiện Nghị quyết

Các cấp ủy đảng, các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương các cấp tích cực phổ biến, quán triệt đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người

lao động và nhân dân về nội dung của Nghị quyết; xây dựng và thực hiện các chương trình giới thiệu, tuyên truyền về các tiến bộ mới, các mô hình ứng dụng công nghệ cao có hiệu quả, các gương điển hình tiên tiến, cụ thể như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh⁵, Báo Đắk Nông⁶ và Trang thông tin điện tử⁷, Cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương,... góp phần nâng cao nhận thức, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định phát triển nông nghiệp công nghệ cao là nhiệm vụ trọng tâm cần được chỉ đạo xuyên suốt, do đó đã đưa vào Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2010 - 2015, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025 để lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành nhiều văn bản triển khai tổ chức thực hiện⁸. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các ban đảng, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,... căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về tăng cường quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, nông nghiệp sạch và an toàn, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh phát triển liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đầu tư cơ giới hóa, hiện đại hóa trang thiết bị và cơ sở vật chất; ứng dụng kỹ thuật trong sản xuất theo hướng bền vững.

Bên cạnh đó, chỉ đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (*Quyết định số 242/QĐ-UBND, ngày 25/02/2019*); ban hành kế hoạch thực hiện các giải pháp về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 (*Kế hoạch số 527/KH-UBND, ngày 02/10/2017*); phê duyệt Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (*Quyết định số 1391/QĐ-UBND, ngày 06/9/2017*) và nhiều văn bản chuyên ngành chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện⁹. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch

⁵ Sản xuất và phát sóng khoảng 450 tin, bài với thời lượng khoảng 620 phút; lồng ghép vào một số chuyên mục, tiểu mục phát thanh và truyền hình như: Cùng Đầu trâu làm giàu; Ứng dụng công nghệ cao; Mặt trời mới cùng nhà nông làm giàu; Nông nghiệp xanh; Mỗi xã một sản phẩm OCOP và lồng ghép tuyên truyền, phản ánh gương nông dân sản xuất giỏi, các mô hình sản xuất nông nghiệp có hàm lượng khoa học cao theo tiến bộ kỹ thuật mới, cách làm mới và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

⁶ Hơn 6.000 tin, bài, bản tin, phóng sự tuyên truyền; riêng năm 2014 xuất bản Tập san tuyên truyền về nông nghiệp ứng dụng công nghệ và năm 2019 tổ chức Hội thảo Báo Đảng lần thứ 9, các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung và Tây Nguyên, vòng IV với chủ đề "Báo Đảng địa phương tuyên truyền về nông dân trong thời kỳ hội nhập" tạo kênh thông tin tuyên truyền của tỉnh nói riêng và các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung và Tây Nguyên nói chung đến với đồng bào bạn đọc.

⁷ Hơn 100 tin bài trên trang thông tin điện tử tuyên truyền, phổ biến các thông tin liên quan đến quy định, chính sách về công tác đào tạo nghề, trong đó có đào tạo và phát triển đào tạo nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

⁸ Kết luận số 150-KL/TU, ngày 15/4/2017 của Tỉnh ủy Đắk Nông.

⁹ Quyết định số 1391/QĐ-UBND, ngày 0/9/2018 về phê duyệt Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Quyết định số 1519/QĐ-UBND, ngày 13/10/2020 về việc ban hành tiêu chí đánh giá và trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

số 313/KH-UBND, ngày 28/12/2011; Kế hoạch số 527/KH-UBND, ngày 02/10/2017 để xác định cụ thể các chương trình trọng tâm, giải pháp triển khai thực hiện theo lộ trình của từng năm, từng giai đoạn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành và cấp ủy các địa phương tổ chức triển khai thực hiện; tổ chức việc sơ kết, tổng kết theo quy định và ban hành nhiều văn bản đơn đốc, chỉ đạo, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương xây dựng các chương trình hành động và kế hoạch triển khai thực hiện. Ngoài ra, hằng năm xây dựng chương trình công tác của đơn vị, bám sát mục tiêu của Nghị quyết để triển khai thực hiện.

3. Công tác thể chế hóa các chủ trương, mục tiêu và giải pháp của Nghị quyết

Nhằm khuyến khích, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đã ban hành các chính sách như: Chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chất lượng cao (2011, 2013); chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (2018, 2019); hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (2015, 2020); hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (2018); cơ chế chính sách tạo quỹ đất sạch, quản lý và khai thác quỹ đất công để thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội (2018),... trên địa bàn tỉnh¹⁰.

Ngoài ra, ban hành Danh mục 04 sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (cà phê, hồ tiêu, cao su, điều), 03 sản phẩm tiềm năng (bò thịt, cây dược liệu, mắc ca) và 16 sản phẩm chủ lực cấp huyện (lúa, ngô, khoai lang, sắn, đậu tương, đậu lạc, sầu riêng, bơ, cây ăn quả có múi, mít, xoài, chanh dây, heo thịt, gia cầm, cá nước ngọt và gỗ nguyên liệu rừng trồng) để tập trung thúc đẩy phát triển sản xuất, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác phối hợp, kết hợp trong quá trình triển khai thực hiện

Tổ chức ký kết và triển khai thực hiện các chương trình hợp tác phát triển bao gồm lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các tỉnh Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Mondulakiri/Campuchia,... Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trường Đại học Tây Nguyên, Hiệp hội Mắc ca Việt Nam;

¹⁰ Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND, ngày 02/8/2018; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019; Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND, ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND, ngày 05/01/2011; Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND, ngày 02/01/2013; Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND, ngày 26/01/2015; Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND, ngày 29/01/2015; Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND, ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh.

chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động ký kết hợp tác, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh,... Đồng thời, ban hành Quy định việc phối hợp và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến dự án đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao để triển khai thực hiện.

5. Công tác đánh giá, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện

Tỉnh ủy tổ chức sơ kết 3 năm, 8 năm và tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU¹¹ và ban hành Kết luận số 150-KL/TU, ngày 05/4/2017 của Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 7 khóa XI về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU. Ngoài ra, chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao điển hình trên địa bàn tỉnh Đắk Nông¹². Thành lập Đoàn công tác (theo Quyết định số 201-QĐ/TU, ngày 07/6/2021), tiến hành kiểm tra và làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện đang hoàn thiện dự thảo Thông báo kết luận kết quả tự kiểm tra vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/4/2011 của Tỉnh ủy đối với Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trách nhiệm của đồng chí Phạm Tuấn Anh, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở.

III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

- *Kết quả thực hiện mục tiêu đến năm 2015*: Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 6,34%, vượt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết đạt 5,15%*); giá trị sản xuất bình quân đạt 75 triệu/ 01 ha đất canh tác, vượt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết đạt trên 50 triệu/ 01 ha đất canh tác*); tỷ trọng chăn nuôi thủy sản đạt 9,9%, không đạt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết đạt 12%*); lương thực bình quân đầu người trên 691kg, vượt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết bình quân đầu người trên 600 kg*).

- *Kết quả thực hiện mục tiêu đến năm 2020*: Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 4,52%, chưa đạt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết đạt 5%*); giá trị sản xuất bình quân đạt 85,25 triệu/ 01 ha đất canh tác, vượt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết đạt trên 80 triệu/ 01 ha đất canh tác*). Tỷ trọng chăn nuôi thủy sản đạt 10,49%, không đạt mục tiêu (*mục tiêu Nghị quyết đạt trên 20%*); thu nhập kinh tế hộ đạt 248 triệu đồng, tăng 1,79 lần so với năm 2011 (năm 2011 là 138,7 triệu đồng),

¹¹ Báo cáo số 280-BC/TU ngày 17/7/2014, Báo cáo số 148-BC/TU ngày 05/4/2017 và Báo cáo số 546-BC/TU ngày 17/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông.

¹² Kế hoạch số 1788/KH-SNN, ngày 07/3/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

không đạt mục tiêu (mục tiêu Nghị quyết thu nhập kinh tế hộ gấp 4-5 lần năm 2011) và hình thành được 08 chuỗi¹³ giá trị sản phẩm chủ lực.

2. Kết quả thực hiện cụ thể

2.1. Công tác quy hoạch; đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển vùng và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- *Công tác quy hoạch:* Chỉ đạo phê duyệt dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20/02/2009). Trên cơ sở đó, UBND tỉnh chỉ đạo ngành nông nghiệp kiểm tra, rà soát quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp nhằm xây dựng các phương án quy hoạch cho từng lĩnh vực và xác định các ngành hàng chủ lực trong nông nghiệp; đề xuất hệ thống các giải pháp và tổ chức thực hiện phương án quy hoạch được chọn tạo căn cứ pháp lý cho chiến lược phát triển nông nghiệp và làm cơ sở tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tiến hành rà soát, bãi bỏ, điều chỉnh, xây dựng mới, công bố công khai các quy hoạch có liên quan như Quy hoạch ngành nông nghiệp, quy hoạch thủy lợi, hệ thống công nghiệp chế biến và quy hoạch các ngành hàng chủ lực như cà phê, hồ tiêu, rau thực phẩm, cây ăn trái, chăn nuôi bò, heo, gà,....

Trình Chính phủ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đắk Nông (Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 10/5/2018) phân bổ diện tích 403,5 ha để thực hiện 06 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹⁴; 913 ha đất để thực hiện các dự án khu sản xuất chế biến nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh¹⁵. Bên cạnh đó, chỉ đạo ngành Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các danh mục dự án kêu gọi đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; chấp thuận chủ trương đầu tư,... Đồng thời, hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án hồ sơ, thủ tục xin giao đất, cho thuê đất chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định.

- *Xây dựng Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:* Năm 2013, thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Gia Nghĩa với quy mô diện tích 120,42 ha do Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quản lý (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Kết quả, đến

13 Gồm: i) Chuỗi gia công chăn nuôi Heo, Gà thịt giữa Công ty chăn nuôi C.P Việt Nam với người dân. ii) Chuỗi chăn nuôi Heo của HTX Đồng Tiến với các thành viên. iii) Chuỗi Cà phê của HTX Công Bằng. iv) Chuỗi Cà phê của Doanh nghiệp Toàn Hạng. v) Chuỗi Hồ tiêu Công ty Trần Châu. vi) Chuỗi Hồ tiêu Công ty SAM. vii) Chuỗi Gạo Buôn Choah. viii) Chuỗi Sản xuất tiêu thụ Đậu nành tại huyện Cư Jút của Nhà máy sữa đậu nành Vinasoy Việt Nam - Chi nhánh Công ty CP đường Quảng Ngãi.

14 Vườn thực nghiệm bảo tồn gen động thực vật tại thành phố Gia Nghĩa, diện tích 133,5 ha, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh, diện tích 120 ha, Khu nông nghiệp công nghệ cao thành phố Gia Nghĩa, diện tích 86 ha; Khu nông nghiệp công nghệ cao huyện Đắk Glong, diện tích 24 ha và Khu nông nghiệp công nghệ cao huyện Tuy Đức, diện tích 40 ha.

15 Khu sản xuất chế biến nông sản tập trung xã Nam Dong, huyện Cư Jút; dự án chăn nuôi tại huyện Tuy Đức,...

nay thu hút được 14 Nhà đầu tư triển khai các dự án về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (01 Nhà đầu tư mới được chấp thuận chủ trương), trong đó 03 dự án đang thực hiện¹⁶; 03 dự án gia hạn thực hiện¹⁷ và 07 dự án bị thu hồi¹⁸. Ngoài ra, hiện có 02 nhà đầu tư có tiềm lực kinh tế mạnh (Công ty TNHH Vạn Thương Đắk Nông và Công ty TNHH Lavite) đang hoàn thiện thủ tục dự án đầu tư theo quy định. Tổng diện tích đất giao cho 06 nhà đầu tư đang thực hiện dự án (trừ các dự án đã thu hồi) là 45,6 ha và tổng vốn đầu tư vào khoảng 80 tỷ đồng (nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư khoảng 30 tỷ đồng và các nhà đầu tư khoảng 50 tỷ đồng¹⁹). Tuy nhiên, đánh giá chung tình hình hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa hiệu quả, còn nhiều tồn tại, vướng mắc, hạn chế (mô hình quản lý, thể chế hoạt động, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ,...); chưa trở thành trung tâm lan tỏa phong trào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- *Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*: Mục tiêu đến năm 2035 hình thành và phát triển 55 vùng với quy mô gần 30.000 ha (tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, ngày 02/8/2018) và ban hành bộ tiêu chí xác định²⁰ làm căn cứ đánh giá và công nhận. Kết quả, công nhận được 03 vùng (hồ tiêu, lúa) với quy mô 2.088 ha; chỉ đạo ngành nông nghiệp xây dựng bộ nhận diện các vùng sau khi được công nhận; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với chuỗi giá trị; hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thông qua việc triển khai các dự án ODA,...

- *Chứng nhận Doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao*: Mục tiêu đến năm 2035 có ít nhất 10 doanh nghiệp được chứng nhận (Nghị quyết số 12/NQ-HĐND, ngày 02/8/2018). Kết quả, chứng nhận 01 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Công ty Cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF BISON) và đang tiếp tục hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký, chứng nhận theo quy định để được hưởng mức hỗ trợ cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.

2.2. Kết quả thực hiện theo lĩnh vực

- *Quy mô, mức độ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp*: Nhìn chung quy mô, mức độ ứng dụng còn thấp, diện tích ứng dụng công nghệ cao chỉ đạt 2.088,59 ha (khu nông nghiệp công nghệ cao và 03 vùng được công nhận),

¹⁶ Công ty Cổ phần Inno Genetics, Công ty Cổ phần Vina Macca, Công ty Cổ phần phát triển tập đoàn Vinamin.

¹⁷ Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Tây Lộc, Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp CNC Thiên Phúc, Công ty TNHH MTV thương mại và sản xuất nhựa Triền Phong.

¹⁸ Công ty cổ phần Mekong Herbals, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Phúc Thịnh, Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Thiên Lộc Phát AGRI, Trung tâm thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ, Công ty TNHH Giao nhận - Thương mại và dịch vụ Thiên Hồng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Công ty TNHH MTV Công nghệ sinh học sạch xanh Toàn Cầu.

¹⁹ Công ty Inno Genetics (25 tỷ đồng), Công ty Vina Macca (10 tỷ đồng), Công ty Vinamin (02 tỷ đồng), Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (1,8 tỷ đồng), Công ty Tây Lộc (1,2 tỷ đồng), Công ty Thiên Phúc (1,2 tỷ đồng), Công ty Triền Phong (12 tỷ đồng), Công ty Toàn Cầu (1,2 tỷ đồng).

²⁰ Quyết định số 1519/QĐ-UBND, ngày 13/10/2020 về việc ban hành Tiêu chí đánh giá và Trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

ngoài ra có khoảng 82.103,68 ha ứng dụng một phần công nghệ cao, trong đó chủ yếu là diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận với diện tích khoảng 25.333ha, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước khoảng 5.000 ha,... Qua đánh giá sơ bộ nhận thấy hiệu quả sản xuất cao hơn, giảm được nhiều chi phí sản xuất và nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản (*Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo*).

Công nghệ được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu là nhà kính, nhà lưới, tưới tự động, tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước,... và các công nghệ mới khác như canh tác thủy canh, sản xuất trên giá thể, nông nghiệp hữu cơ cũng đang từng bước được ứng dụng trong sản xuất. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã điển hình như: Công ty Cổ phần Inno Genetics, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sản xuất hạt giống); Doanh nghiệp tư nhân Toàn Hằng, huyện Đắk R'lấp (sản xuất cà phê); HTX Thương mại Công Bằng Thuận An, huyện Đắk Mil (sản xuất cà phê, hồ tiêu); HTX nông nghiệp Buôn Choah, huyện Krông Nô (lúa, gạo); THT xoài Đắk Găn; Trang trại Gia Ân (măng cụt); Trang trại Gia Trung, thành phố Gia Nghĩa (sầu riêng); Trang trại thiên nhiên Yến Ngọc, huyện Đắk Glong (rau củ quả và cây ăn trái),... góp phần giải quyết việc làm, liên kết chuỗi giá trị, đưa sản phẩm an toàn đến với người tiêu dùng, tăng thu nhập người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*).

- *Việc tuyển chọn và nhân giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao:* Thực hiện đánh giá, công nhận được 08 cây đầu dòng, bao gồm: 06 cây bơ (năm 2016), 01 cà phê dây (năm 2017), 01 cây chanh dây (năm 2020); công nhận 02 vườn cây đầu dòng (vườn cà phê dây năm 2019, vườn chanh dây năm 2020) có năng suất, chất lượng cao và đang được đưa vào sản xuất; hướng dẫn các địa phương sử dụng các giống cây trồng được xác nhận, công nhận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể: Trong trồng trọt, nhiều giống cây trồng có ưu thế, cho năng suất cao, chất lượng tốt, sạch bệnh, thích nghi với từng vùng như: Lúa (AC5, TL6, LH12, HBO2, HYT 100,...); ngô (LVN99, CP 501, C919, Bioseed 9698, các giống Ngô biến đổi gen NK66, NK 67, NK 7328), cây mắc ca ghép, ca cao lai F1 nhập từ Malaysia, giống sầu riêng, bơ (Booth 7, 036, 034), Mít (TJF01, TJF03, Mít nghệ...), cam, chanh không hạt, khoai lang Nhật Bản. Trong chăn nuôi nhiều giống mới cũng được áp dụng trong sản xuất như: Bò Brahman đỏ, bò BBB...; giống heo ngoại Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain...; giống gà cao sản như Arbor Acres, TB1, BT2, Lương Phượng... góp phần chuyển đổi cơ cấu giống và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Việc lựa chọn công nghệ, thiết bị; xây dựng hoàn thiện các quy trình canh tác, quy trình nuôi, các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:* Chỉ đạo ngành nông nghiệp và các địa phương hướng dẫn áp dụng một số công nghệ như: Công nghệ sinh học, nhà kính, nhà lưới, công nghệ tưới tiết kiệm

nước, phân bón và quản lý dịch hại tổng hợp,... và đang tiến hành xây dựng 05 quy trình kỹ thuật tạm thời trồng và chăm sóc cây trồng chủ lực, tiềm năng, đặc sản của tỉnh Đắk Nông (cà phê, cao su, điều, ngô lai, lúa và chanh dây).

- *Công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ*: Ngành Khoa học triển khai 09 dự án với tổng kinh phí 38,52 tỷ đồng thuộc các lĩnh vực: Trồng trọt (06 dự án), chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (02 dự án); công nghệ sinh học, công nghệ chế biến (01 dự án) và triển khai 17 đề tài khoa học, bao gồm các lĩnh vực trồng trọt (05 đề tài); chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (01 đề tài); thủy lợi (01 đề tài); lâm nghiệp (01 đề tài) và công nghệ sinh học, công nghệ chế biến (09 đề tài). Kết quả, thực hiện xây dựng được một số mô hình, biện pháp hiệu quả được áp dụng vào thực tiễn về sản xuất, thâm canh (cà phê, hồ tiêu, lúa lai, lúa chất lượng cao (LCH37: Sơn Lâm 2, LTh31), bơ, ngô lai, gấc lai, chanh dây); chăn nuôi (bò thịt, bò lai, ong mật); áp dụng công nghệ sinh học (phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng, nhân giống lan gấm, giống hồ tiêu sạch bệnh); các biện pháp kỹ thuật mới (tái canh sớm cây cà phê, phòng bệnh virus chanh dây, bón phân qua hệ thống tưới cho cà phê); chế biến (sản xuất piperine, tinh dầu tiêu trắng, bảo quản bơ); liên kết, chuỗi giá trị (bơ, xoài, sầu riêng) và đã tạo lập được chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm Tiêu của tỉnh Đắk Nông. Tuy vậy, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp còn hạn chế sức lan tỏa, kết quả nghiên cứu chậm áp dụng vào thực tiễn (*Chi tiết tại Phụ lục 03, 04 kèm theo*).

Bên cạnh đó, triển khai xây dựng 196 mô hình về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản với tổng kinh phí thực hiện trên 40 tỷ đồng từ các nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương, Khuyến nông quốc gia, Dự án 3EM, Dự án VnSAT tỉnh, nguồn vốn hỗ trợ của chính phủ Đan Mạch,... Trong đó, trồng trọt 167 mô hình, chăn nuôi 21 mô hình và thủy sản 08 mô hình. Qua đó, chuyển giao được tiến bộ khoa học đến người nông dân, góp phần nâng cao dân trí, trình độ kỹ thuật và kỹ năng tổ chức sản xuất, từ đó tăng thu nhập, cải thiện đời sống đóng góp thiết thực vào những thành tựu sản xuất nông nghiệp của tỉnh (*Chi tiết một số mô hình tiêu biểu tại Phụ lục 05 kèm theo*).

- *Kết quả triển khai thực hiện một số đề án, chương trình góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh*

Đề án phát triển cà phê bền vững (cà phê có chứng nhận): Trong giai đoạn 2012 - 2015, có 13 doanh nghiệp triển khai với diện tích 29.071 ha, sản lượng 93.355 tấn. Qua đánh giá hiệu quả kinh tế cao hơn sản xuất đại trà từ 8,5 triệu đồng/ha đến 12,2 triệu đồng/ha. Tuy vậy, diện tích này giảm xuống còn 21.414,01ha nguyên nhân do nhu cầu cà phê chứng nhận trên thế giới giảm.

Chương trình tái canh cây cà phê: Toàn tỉnh triển khai được 20.533,95 ha/30.039,03 ha KH, đạt 68,36% (*trong đó, tái canh được 17.307,81 ha/20.512,97*

ha KH, đạt 84,37%; ghép cải tạo là 3.226,14 ha/9.526,06 ha KH, đạt 33,87 %) đem lại hiệu quả cao về năng suất, sản lượng (bình quân ghép cải tạo cao hơn 1,0-1,5 tấn/ha và cây thực sinh cao hơn 0,5-1,0 tấn/ha).

Đề án phát triển nhanh đàn bò thịt chất lượng cao: Tính đến cuối năm 2020, tổng đàn bò của tỉnh là 31.150 con, trong đó đàn bò lai đạt 27.500 con chiếm tỷ lệ 88,28% tổng đàn (năm 2004 chỉ chiếm tỷ lệ 4%), trọng lượng tăng gấp 02 lần và chất lượng thịt cao hơn so với giống bò vàng tại địa phương. Hiện nay, ngành nông nghiệp đang tiếp tục triển khai Dự án cải tạo giống Bò BBB trên địa bàn 02 huyện Đăk Mĩ và Đăk R'lấp, bước đầu qua hơn 02 năm triển khai lai tạo được 103 bò bê lai F1 với sức vóc, trọng lượng vượt trội so với giống bò vàng địa phương.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm²¹, kết quả: Tổ chức đánh giá và công nhận, xếp hạng được 41 sản phẩm của 34 doanh nghiệp, Hợp tác xã, chủ cơ sở sản xuất đến từ 7/8 huyện, thành phố; trong đó, có 04 sản phẩm được chứng nhận 4 sao, 37 sản phẩm được chứng nhận 3 sao; sản phẩm là trái cây tươi 05; sản phẩm chế biến từ cà phê, ca cao 19; hồ tiêu 02 sản phẩm; điều 02 sản phẩm; gạo và chế biến từ gạo 03 sản phẩm; sản phẩm chế biến từ sachi 05; sản phẩm chế biến từ Đông trùng hạ thảo 02; sản phẩm chế biến từ quả Mãng cầu 01; sản phẩm chế biến từ thịt bò 01; mật ong,... chương trình đem lại hiệu quả thiết thực và thu hút được nhiều chủ thể tham gia (Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo).

Đề án tái cơ cấu ngành, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (năm 2018 đến nay): Tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, cụ thể như Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa; Đề án nâng cao năng lực hoạt động khuyến nông và bảo vệ thực vật; Đề án phát triển thủy sản,...; đồng thời, đang tiến hành xây dựng Đề án nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản; phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng; quy trình tạm thời trồng và chăm sóc các loại cây trồng chủ lực với tổng kinh phí vào khoảng 18 tỷ đồng. Việc tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động này sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2.3. Thu hút đầu tư, phát triển thị trường

Trong giai đoạn 2010 - 2020, ban hành danh mục kêu gọi, thu hút đầu tư 14 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao với tổng vốn khoảng 1.300 tỷ đồng²²; tổ chức tham gia các sự kiện về xúc tiến đầu tư, trong đó điển hình như: Hội nghị xúc tiến đầu tư Tây Nguyên, chuỗi sự kiện APEC,... qua đó giới thiệu đến các du khách, doanh nghiệp trong và ngoài nước các sản phẩm nông nghiệp công

²¹ Quyết định số 2053/QĐ-UBND, ngày 12/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đăk Nông, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

²² Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 có 06 dự án; Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 và Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 có 01 dự án; Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 có 02 dự án; Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 có 05 dự án.

nghệ cao đặc trưng của địa phương như các sản phẩm bơ, tiêu, khoai lang Nhật, Mắc ca, Đông trùng hạ thảo,...; ngoài ra, đã tổ chức các hội nghị, hội thảo để kêu gọi, thu hút đầu tư, trong đó nổi bật tổ chức Hội thảo Phát triển du lịch gắn với nông nghiệp cao nghệ cao, chương trình Đắc Nông mùa Bơ chín và Hội nghị xúc tiến đầu tư.

Kết quả, thu hút được 98 dự án thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp, trong đó đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao thu hút được 07 dự án²³, tuy nhiên có 02 dự án²⁴ chậm triển khai. Nguyên nhân chủ yếu là do: (1) Danh mục dự án kêu gọi đầu tư có thông tin, nguồn gốc đất đai, quy hoạch chưa rõ ràng; quỹ đất sạch còn thiếu; công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn; các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường thiếu sự phối hợp chặt chẽ, xử lý vướng mắc chưa quyết liệt dẫn đến tình trạng vướng mắc kéo dài dẫn đến làm chậm tiến độ thực hiện dự án, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư chung của tỉnh. (2) Một số đề xuất thực hiện dự án của Nhà đầu tư chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không thể thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất do không thuộc các điều kiện quy định tại Điều 46 Luật Đất đai năm 2013. (3) Các dự án về chế biến nông sản đã đi vào hoạt động nhưng không liên tục do nguồn nguyên liệu không ổn định, lao động thiếu tác phong công nghiệp, kỹ thuật để phát triển sản xuất. Sự liên kết giữa Nhà đầu tư với người dân để xây dựng vùng nguyên liệu chưa bền vững. (4) Hạ tầng giao thông trong khu công nghiệp hư hỏng, xuống cấp cục bộ nhưng chưa thể bố trí vốn để sửa chữa, khắc phục. (5) Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh chưa kịp thời.

Bên cạnh đó, tổ chức và tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp như xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, kết nối với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế, quảng bá giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp nói chung và sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao nói riêng để kết nối giao thương, mở rộng thị trường, cụ thể: (1) Tổ chức 02 chương trình kết nối giao thương tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Gia Nghĩa với 60 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao như: bơ, sầu riêng, măng cụt, xoài, khoai lang, chanh dây,...; (2) Triển khai 06 sự kiện, liên quan đến hoạt động chuỗi giá trị hồ tiêu tại huyện Đắc

²³ Gồm: i) Dự án trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao kết hợp Du lịch sinh thái của Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ Du lịch Thương mại Tân Thịnh; ii) Dự án Đầu tư sản xuất nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Công ty cổ phần nông lâm nghiệp Trường Thành; iii) Dự án Trồng cây ăn quả kết hợp trồng cây ngắn ngày (rau, củ, quả) theo hướng ứng dụng công nghệ cao của Công ty TNHH xây dựng - thương mại - dịch vụ Phú Hiền Vĩnh; iv) Dự án Nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái Phước Sơn của Công ty TNHH MTV Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thương mại - Dịch vụ - Du lịch Nguyễn Thành Phát; v) Trồng lâm giống cây trồng, vật nuôi công nghệ cao của Công ty TNHH Đầu tư, phát triển Nông nghiệp Xanh Thái Huy; vi) Trồng cây ăn trái theo hướng nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ cao của Công ty TNHH MTV Dũng Liên Đắc Nông; vii) Dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Công ty TNHH Thái Thịnh.

²⁴ Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ Du lịch Thương mại Tân Thịnh và Công ty cổ phần nông lâm nghiệp Trường Thành.

Song, Cư Jút; tiêu thụ nông sản gắn với thị trường xuất khẩu; kết nối giao thương về các sản phẩm thế mạnh của tỉnh tại thị trường tại tỉnh Long An, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. (3) Phối hợp với Công ty Cổ phần tập đoàn T&T, Công ty AEON Việt Nam và các đơn vị ngoài tỉnh kết nối giao thương, tìm kiếm mở rộng thị trường cho doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và quảng bá thương hiệu và sản phẩm. (4) Tổ chức buổi làm việc với Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh để triển khai chương trình kết nối giao thương với các tỉnh, thành phố, tổ chức thành công đợt kết nối giao thương quảng bá giới thiệu sản phẩm tại tỉnh Trà Vinh.

Về xúc tiến thương mại: Trong thời gian qua, các hoạt động xúc tiến thương mại đã được cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đón nhận và đánh giá tích cực, thực sự hỗ trợ hiệu quả việc xúc tiến thương mại tại các thị trường truyền thống, trọng điểm và mở ra cơ hội tại các thị trường tiềm năng. Các chương trình Xúc tiến thương mại đã trở thành chiếc cầu nối quan trọng trong việc thúc đẩy cơ hội hợp tác giữa doanh nghiệp, nhà phân phối và người tiêu dùng,... Đây là cơ hội để các doanh nghiệp quảng bá sản phẩm, tìm hiểu được thị hiếu và nhu cầu của khách hàng, hiểu rõ hơn về đối thủ cạnh tranh, từ đó đưa ra những chiến lược mới phát triển phù hợp với xu thế của thị trường. Kết quả, trong giai đoạn 2011 - 2020 Sở Công Thương đã phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức thực hiện 51 Đề án xúc tiến thương mại, với tổng kinh phí hơn 12,531 tỷ đồng; trong đó ngân sách địa phương hỗ trợ hơn 6,537 tỷ đồng, ngân sách Trung ương hơn 3,955 tỷ đồng và kinh phí xã hội hóa hơn 2,039 tỷ đồng.

Về kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 920 triệu USD, tăng gấp 2,31 lần so với năm 2011 (339 triệu USD), tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2011 - 2020 là 9,72 %/năm. Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu qua chế biến ngày càng tăng, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế. Mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch cao chủ yếu là sản phẩm nông nghiệp của tỉnh như: cà phê, hồ tiêu, điều; thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng. Hiện nay, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được mở rộng đến 35 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong đó, chiếm tỷ trọng cao và ổn định nhất là: Singapore, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Malaysia, Nhật Bản, Trung Quốc, Australia. Ngoài việc duy trì các thị trường truyền thống, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đang chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường mới như: Thị trường các nước thành viên EVFTA, CPTPP, ...; các chủ thể tham gia xuất khẩu không ngừng tăng, đa dạng hoá và hoạt động ngày càng hiệu quả. Xuất khẩu phát triển, đã có những đóng góp đáng kể vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, trở thành một trong những động lực chủ yếu thúc đẩy gia tăng phát triển sản xuất, góp phần ổn định kinh tế - xã hội, tăng thu ngân sách địa phương, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo.

2.4. Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực

Trong giai đoạn 2011 - 2020 toàn tỉnh tuyển sinh, đào tạo nghề nghiệp trên 47.199 người²⁵ và Hội Nông dân tỉnh trực tiếp đã mở 60 lớp tập huấn lập kế hoạch sản xuất kinh tế hộ cho hơn 3.000 lượt hội viên nông dân. Triển khai tập huấn, nâng cao năng lực 3.164 lớp với 124.489 lượt người tham dự²⁶ và tổ chức 369 cuộc hội thảo đầu bờ. Qua đó, góp phần giúp người dân cơ bản đã nắm bắt được kỹ thuật và thông tin đầu vào, mạnh dạn áp dụng công nghệ mới vào sản xuất làm tăng năng suất cây trồng, giảm chi phí sản xuất và sử dụng các giống cây trồng mới năng suất cao, phẩm chất tốt, kháng bệnh, chịu hạn chiếm tỷ lệ cao, góp phần thay đổi cơ cấu cây trồng; việc áp dụng các chế phẩm sinh học, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, chương trình quản lý cây trồng tổng hợp ICM, hạn chế sâu, bệnh gây hại, hạn chế sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật bước đầu đã mang lại hiệu quả sản xuất cho người dân.

2.5. Nguồn lực thực hiện Nghị quyết

- *Nguồn vốn sự nghiệp*: Sau 10 năm triển khai, ngân sách tỉnh mới phân bổ được khoảng 64,554 tỷ đồng cho chương trình. Ngân sách đầu tư chủ yếu cho việc quy hoạch chi tiết Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ nông nghiệp và xây dựng các mô hình; quy hoạch chi tiết vùng chăn nuôi giết mổ tập trung và thủy sản; chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các đề tài, dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;... chưa có nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chương trình, hỗ trợ giống, vật tư, đào tạo kỹ thuật cho người thực hiện.

- *Nguồn vốn đầu tư*: Trong giai đoạn 2011 - 2020, hạ tầng nông thôn, nông nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được Trung ương quan tâm, nhưng do nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên trong giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, với tổng mức đầu tư 26,347 tỷ đồng. Ngoài ra, Trung ương đầu tư cho tỉnh các dự án sử dụng vốn ODA như Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSat) tỉnh Đắk Nông với tổng mức đầu tư hơn 327 tỷ đồng; Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên với tổng mức đầu tư hơn 269 tỷ đồng,... góp phần phát triển hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất, tiếp

²⁵ Cụ thể: Năm 2011: 3.490 người; năm 2012: 4.030 người; năm 2013: 5.800 người; năm 2014: 5.893 người; năm 2015: 5.750 người; năm 2016: 3.994 người; năm 2017: 4.419 người; năm 2018: 3.949 người; năm 2019: 3.960 người; năm 2020: 5.914 người (Theo số liệu của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong đoạn 2011 - 2020).

²⁶ Chỉ cục Phát triển nông nghiệp: 309 lớp/11.542 lượt người; Trung tâm Khuyến nông: 2.161 lớp/80.164 lượt người; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 12 đợt/80 lượt người; Hội Nông dân tỉnh: 647 lớp/30.803 lượt người tham gia; Tỉnh đoàn: 35 lớp/1.900 lượt người.

cận kỹ thuật khoa học công nghệ mới, giống cây trồng mới và thúc đẩy phát triển nền kinh tế nông nghiệp của tỉnh.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thành tựu đạt được

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; chủ động triển khai thực hiện nhiều giải pháp có trọng tâm, trọng điểm với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng của nhân dân, qua đó tạo được sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế ngành nông lâm thủy sản trong giai đoạn 2010 - 2020 duy trì tốc độ khá ổn định, bình quân tăng 5,09 %/năm; giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh năm 2020) tăng 2.919 tỷ đồng so với năm 2010 (năm 2010: 4.612 tỷ đồng; năm 2020: 7.531 tỷ đồng) và luôn giữ vai trò trụ cột trong nền kinh tế tỉnh với cơ cấu tổng giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt 37,47% (năm 2020).

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU có tác động thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp của tỉnh theo hướng toàn diện, phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng và hiệu quả cao hơn; nhiều tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao được nhân dân áp dụng vào sản xuất,... góp phần nâng cao được năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản; thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung của tỉnh theo đúng định hướng, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp nhưng vẫn bảo đảm tăng về giá trị sản xuất.

Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tạo điều kiện tổ chức lại sản xuất, bước đầu thu hút được một số tổ chức, cá nhân nghiên cứu, khảo sát, đầu tư sản xuất theo hướng hiện đại để từng bước khai thác được tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật theo hướng ứng dụng công nghệ cao dần đi vào chiều sâu, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn của tỉnh; một số công nghệ cao được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp như: Nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiết kiệm, kết hợp điều tiết dinh dưỡng tự động, công nghệ thủy canh, quản lý dịch hại tổng hợp,...

2. Những tồn tại, hạn chế

Việc thực hiện Nghị quyết chưa đạt được mục tiêu tổng quát "Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, có khả năng cạnh tranh dựa trên nền tảng nông nghiệp sản xuất hàng hóa công nghệ cao, bảo đảm an

ninh lương thực và vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu” và chưa đạt được một số mục tiêu tái cơ cấu ngành, phát triển vùng ứng dụng công nghệ cao trong giai đoạn 2018 - 2020.

Sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu với quy mô nhỏ, chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; việc ứng dụng công nghệ cao chủ yếu là ứng dụng một phần với các công nghệ sinh học, nhà kính, nhà lưới, công nghệ tưới tiết kiệm nước, phân bón và quản lý dịch hại tổng hợp,... Mức độ đóng góp của nông nghiệp công nghệ cao vào tăng trưởng của ngành nông nghiệp chưa nhiều, chưa rõ nét; nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao được triển khai nhưng chưa được nhân rộng trong sản xuất.

Nguồn lực tài chính thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đảm bảo; vốn đầu tư cho việc ứng dụng công nghệ cao rất lớn, trong khi đó việc tiếp cận nguồn vốn khó khăn, lãi suất cao; sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao chưa có thị trường tiêu thụ ổn định và chưa hình thành và phát triển được nhiều chuỗi giá trị trong nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (toàn tỉnh mới chỉ có 8 chuỗi giá trị).

Hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong phát triển sản xuất tập trung quy mô lớn. Việc đầu tư xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật chưa hoàn thiện, phần lớn các doanh nghiệp đầu tư không hiệu quả (07/13 nhà đầu tư bị thu hồi dự án); chưa thu hút được doanh nghiệp có tiềm lực mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp đòi hỏi cần có lực lượng cán bộ kỹ thuật có trình độ phù hợp nhưng địa phương và doanh nghiệp đều chưa xây dựng được đội ngũ này. Chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp tham gia vào việc xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (bao gồm đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp và nông dân, đặc biệt là nông dân ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số) hiện nay còn thấp, nên hiệu quả công tác triển khai còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Nhận thức, trách nhiệm một số đơn vị về vai trò của nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đầy đủ; có lúc, có nơi chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Hiệu quả đầu tư sản xuất các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa cao, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư lớn, nguy cơ rủi ro cao; công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch còn thấp, chủ yếu là sơ chế và bảo quản thủ công, chưa chế biến sâu và bảo quản sản phẩm đảm bảo sau thu hoạch; sức cạnh tranh các sản phẩm nông sản thấp.

Cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh chưa đủ mạnh, chưa đồng bộ, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp và người dân đầu tư mạnh vào nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Công tác quy hoạch, định hướng sản xuất còn bất cập, thiếu tính bền vững; việc ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ ở một số vùng còn thiếu tính đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tế sản xuất; công tác triển khai các mô hình thí điểm chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng với yêu cầu trong công tác quản lý cũng như hoạt động sản xuất ứng dụng công nghệ; sự phối hợp giữa các cấp ngành chưa thật sự chặt chẽ, đồng bộ, nhất là khâu theo dõi tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, xác định việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp là giải pháp mang tính đột phá trong thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Hai là, xác định vai trò chủ thể: Doanh nghiệp, hợp tác xã là đội ngũ tiên phong trong việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao; song song với việc ứng dụng công nghệ cao cần tập trung quan tâm phát triển các hình thức liên kết, hợp tác giữa nông dân với doanh nghiệp và Hợp tác xã.

Ba là, phải có cơ chế, chính sách phù hợp thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, làm đầu tàu kéo ngành nông nghiệp của tỉnh nói chung, ứng dụng công nghệ cao nói riêng phát triển mạnh, đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch.

Bốn là, ưu tiên đầu tư cho công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; định hướng doanh nghiệp, nông dân sản xuất theo yêu cầu thị trường nhằm ổn định thị trường tiêu thụ, tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Năm là, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện để lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo đúng định hướng và kịp thời kiến nghị, đề xuất Trung ương ban hành điều chỉnh, sửa đổi các chính sách về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

V- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến 2020, gắn với đánh giá việc thực hiện các đề án trong ngành nông nghiệp cho đến khi Tỉnh ủy ban hành "Nghị quyết phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với thị trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030" thay

thể (theo Thông báo số 549-TB/TU, ngày 20/09/2021 về kết luận kiểm tra lãnh vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 07/4/2021 của Tỉnh ủy). Đồng thời, tiếp tục tập trung triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau:

1. Thường xuyên quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến toàn thể đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc lĩnh vực chuyên môn, địa bàn quản lý.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch ngành, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quy hoạch; rà soát quy hoạch ngành, lĩnh vực và các sản phẩm chủ yếu trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế của tỉnh, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương trong công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, quản lý an toàn thực phẩm.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất theo hướng tập trung, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu tạo động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tiếp tục rà soát, đánh giá, thẩm định công nhận các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đảm bảo tiêu chí quy định; thúc đẩy phát triển các sản phẩm OCOP gắn với các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nhằm phát huy kinh tế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân.

4. Đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ; nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ thông tin,... theo chuỗi giá trị, từ canh tác đến chế biến sau thu hoạch và xây dựng thương hiệu để việc phát triển các sản phẩm nông nghiệp Đắc Nông theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tăng cường sự kết nối, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp, thực hiện chính sách đặt hàng cho các nhiệm vụ khoa học; từng bước hình thành các trung tâm khoa học công nghệ cho các vùng trọng điểm nông nghiệp; đẩy nhanh xây dựng và ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong các lĩnh vực thuộc ngành.

5. Triển khai nhân rộng mô hình đạt hiệu quả và tiếp tục xây dựng các mô hình mới để so sánh, lựa chọn chuyển giao cho sản xuất. Chú trọng các mô hình về chăn nuôi thủy sản; quan tâm đến các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nông dân nghèo. Nghiên cứu tạo giống, dịch vụ cung ứng giống, vật tư nông

ng nghiệp. Ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ những mô hình tiêu biểu thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và tương đương; xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn thực phẩm.

6. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, quảng bá hàng nông, lâm, thủy sản tỉnh Đắk Nông ở cả trong nước và nước ngoài; đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng; xây dựng thương hiệu, mã vạch, mã vùng, hệ thống truy xuất nguồn gốc.

7. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng sản xuất nông nghiệp như thủy lợi, kênh mương, giao thông nội đồng, chợ đầu mối, cơ sở nhà máy chế biến, bảo quản sau thu hoạch và xử lý môi trường; đặc biệt là nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn.

8. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; chính sách cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

9. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, liên kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ; nâng cao năng lực cho cán bộ nông, lâm nghiệp, lao động nông thôn và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp.

10. Tập trung đầu tư hoàn thiện và triển khai có hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh và hình thành mới tại các địa phương để thu hút các doanh nghiệp đầu tư triển khai dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; điều chỉnh mô hình, chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Trung tâm giống thủy sản theo đúng quy định; đồng thời, triển khai có hiệu quả việc đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp thông qua các chương trình dự án khác.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư,
- Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và PTNT,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- UBND tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH, Ngh).

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Ngô Thanh Danh

op diện tích cây trồng
143 - BCTU, ngày 14/10/2014

[illegible]

Ứng dụng một phần công nghệ cao														
Stt	Loại cây trồng	Tổng	Sản xuất theo tiêu chuẩn có chứng nhận					Tưới tiết kiệm nước			Chương trình tái canh	Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM)	Mô hình các loại
			Tổng	VietGAP	Hữu cơ	GlobalGAP	Tiêu chuẩn khác (4C, UTZ, Flo...	Tổng	Tưới phun cục bộ	Tưới nhỏ giọt kết hợp bốn phần				
10	Chanh dây	15,50	15,50	10,5	5									
11	Cà chua	0,15	0,15	0,15										
III	Nhóm cây lương thực, thực phẩm	8.688,67	662,94	656,44	6,50							480	7.520	25,73
1	Lúa	8.630,29	630,29	630,29								480	7.520	
2	Rau	40,03	26,50	22,5	4									13,53
3	Khác(gừng, bí xanh)	6,15	6,15	3,65	2,5									
4	Ngô	12,20	0,00											12,20
Tổng cộng		82.103,68	25.333,10	2.071,59	454,50	10,00	22.797,01	4.995,00	4.403,00	592,00	20.533,95	23.340,00	7.520,00	381,63

Phụ lục 02. Danh sách các Doanh nghiệp, Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao
(Kèm theo Báo cáo số 44^Đ-BC/TU, ngày 12/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



Sr	Tên	Địa chỉ	Loại hình ngành hàng	Quy mô (ha)	Ghi chú
1	Doanh nghiệp			17.221	
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn Intimex tại Đắk Mil	Cụm Công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil	Cà phê	7.280	
2	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ xuất nhập khẩu Trần Châu	Thôn Thuận Hà, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Hồ tiêu	621	
3	Công ty Newman Group	Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Cà phê	1.700	
4	Công ty Cổ phần Nguyên Phước Trường	Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	310	
5	Công ty Đoàn Gia Đắk Nông	Thôn 2, xã Đắk R'lih, huyện Tuy Đức	Cà phê	20	
6	Công ty TNHH MTV Thắng Lợi	Phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa	Cà phê	3000	
7	Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao	Xã Trường Xuân, huyện Đắk Song	Hồ tiêu	300	
8	Công ty TNHH MTV Sản xuất thương mại dịch vụ Bơ M'Nông	Thôn Tân Phú, xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa	Bơ	2	
9	Công ty TNHH Trang trại xanh Thu Thủy	Thôn 10, xã Năm N'lang, huyện Đắk Song	Hồ tiêu	21	
10	Cty Cổ phần Godere	Phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa	Cà phê	50	
11	Công ty Xuất nhập khẩu Hiệp Loan	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	2.215	
12	DNTN Lý Hằng	Xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	126	
13	DNTN Hải Liệu	Xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	164	

Stt	Tên	Địa chỉ	Loại hình ngành hàng	Quy mô (ha)	Ghi chú
14	DNTN Vân Linh	Xã Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	400	
15	DNTN Toàn Hằng	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	1.012	
II	Hợp tác xã			4.189,67	
1	HTX Phát triển nông thôn Công Bằng Thanh Thái	Thôn Thành Thái, xã Năm Nung, huyện Krông Nô	Cà phê	80	
2	HTX Thương mại Công Bằng Thuận An	Thôn Đức An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil	Cà phê, Hồ tiêu	356,5	
3	HTX Nguyễn Công	Xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	Cà phê	300	
4	HTX Nông nghiệp Nam Thịnh	xã Nam Bình, Đắk Song	Cà phê	125	
5	HTX TMDV Chế biến SXNN Đoàn Kết	Thôn 9, xã Nam Bình, Đắk Song	Cà phê	94	
6	HTX Danofarm	Thôn Quảng Hợp, xã Quảng Sơn	Cà phê vối	107,38	
7	HTX Đại Đồng Tiến	Thôn Tân Tiến, xã Quảng Khê	Cà phê vối	130	
8	HTX Nông nghiệp Thương mại dịch vụ tổng hợp Hưng Phát	Thôn 2, xã Hưng Bình, huyện Đắk R'lấp	Cà phê	60	
9	HTX nông nghiệp Quyết Tiến Đắk Wer	Thôn 1, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp	Cà phê, Hồ tiêu, Sầu riêng, Bơ, Măng tây	264,5	
10	HTX Nông nghiệp hữu cơ Đắk Nông	Xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa	Cà phê, Hồ tiêu	124,7	
11	HTX nông nghiệp Buôn Choah	Cao Sơn, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	Lúa, gạo	461,16	
12	HTX sản xuất lúa gạo Buôn Choah	Ninh Giang, xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	Lúa, gạo	169,13	
13	HTX Tin True Coffee	Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô	Cà phê	20	

Stt	Tên	Địa chỉ	Loại hình ngành hàng	Quy mô (ha)	Ghi chú
14	HTX Nông nghiệp Tiến Thành	Xã Đắk Wil, huyện Cư Jút	Cà phê	10	
15	HTX Nông nghiệp thương mại Dịch vụ xoài Đắk Găn	Bản Cao Lạng, xã Đắk Găn, Đắk Mil	Xoài	37	
16	HTX Thuận Phát	Thuận Hà, Đắk Song	Tiêu	59,8	
17	HTX Nông nghiệp hữu cơ DV Hòa Phát	Thuận Hạnh, Đắk Song	Sầu riêng	40	
18	HTX hồ tiêu hữu cơ Bình Tiến	Thôn 10, xã Nam Bình	Tiêu	60	
19	THT SX hồ tiêu Nông Phú	Thôn 5, xã Quảng Tâm, Tuy Đức	Hồ Tiêu	10	
20	HTX Nam Hải Đắk Nông	Thôn 9, xã Quảng Tân	Chanh dây, Bơ, Sầu riêng	20	
21	HTX NN TMDV Hưng Phát	Thôn 2, Hưng Bình	Tiêu	40	
22	HTX NN Thịnh Vượng	TDP2 - TT Kiến Đức	Dưa lưới	1	
23	HTX NN Trường Sinh	Thôn Tân Bình xã Đắk Ru	Cây ăn trái	19,5	
24	HTX NNTMDV Hữu cơ Hoàng Nguyên	Thôn 8 - xã Thuận Hà	Tiêu, Cà phê, Sầu riêng, Bơ,	1600	
TỔNG				21.411	

Phụ lục 03. Danh mục các dự án nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, tiêu chuẩn ngành
(Kèm theo Báo cáo số 443-BCTU ngày 14/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)



Stt	Dự án	Quy mô	Kết quả	Nguồn vốn (triệu đồng)		Hiệu quả
				Sự nghiệp	Đầu tư	
I	Lĩnh vực trồng trọt					
1	Ứng dụng đồng bộ một số tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất, chế biến cà phê theo hướng an toàn, bền vững trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	100ha	Xây dựng vườn nhân chồi 05 dòng cà phê chọn lọc TR4, TR9, TR11, TR12, TR13 với diện tích 2.000 m ² đảm bảo cung cấp hàng năm bình quân 200.000 chồi ghép; Xây dựng được 02 vùng mô hình thâm canh cà phê tổng hợp với diện tích 100 ha cà phê với	1.430	12.000	Ứng dụng đồng bộ một số tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, thu hoạch, chế biến, đảm bảo sản phẩm cà phê an toàn, sản xuất cà phê bền vững
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh lúa lai và ngô lai phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	80ha	i) 40 ha mô hình thâm canh tổng hợp cây ngô lai LVN61, năng suất bình quân đạt 87,58 tạ/ha; ii) 40 ha mô hình thâm canh tổng hợp cây lúa lai HYT108 năng suất lúa bình quân đạt 83,25 tạ/ha	1.400	1.600	Chuyển giao các quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện canh tác lúa lai, ngô lai phù hợp với điều kiện canh tác của nông dân góp phần nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông
3	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng thương phẩm và tiêu thụ Gấc lai bền vững tại tỉnh Đắk Nông	30ha	i) 01 Mô hình sản xuất giống gấc lai trong nhà lưới quy mô 1.000 m ² sản xuất 30.000 cây giống/năm; ii) 01 Mô hình sản xuất gấc thương phẩm quy mô sản xuất hàng tại huyện Cư Jút và Krông Nô quy mô 30 ha, sản lượng 1.200 tấn quả; iii) 01 mô hình thu hoạch, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gấc lai đạt 600 tấn/năm	3.500	4.500	Chuyển giao các quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện canh tác góp phần nâng cao thu nhập cho người dân

Stt	Dự án	Quy mô	Kết quả	Nguồn vốn (triệu đồng)		Hiệu quả
				Sự nghiệp	Đầu tư	
4	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình lúa chất lượng cao tại vùng sản xuất lúa nước huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	120ha	i) Xây dựng 120,0 ha mô hình thâm canh tổng hợp giống lúa LCH37 và LTh31 đạt năng suất trung bình 7,17 tấn/ha, tổng sản lượng đạt 860,58 tấn; ii) Đào tạo được 10 kỹ thuật viên cơ sở	2.000	1.500	Chuyên giao và tiếp nhận thành công được quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp giống lúa chất lượng từ khâu gieo sạ, chăm sóc, quản lý sâu hại tổng hợp, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, thu hoạch, bảo quản giống lúa LCH37 và LTh31
5	Xây dựng mô hình sản xuất hồ tiêu theo chuỗi giá trị tại huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông					
6	Ứng dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ xây dựng mô hình bốn phần thông qua nước tưới cho cà phê tại tỉnh Đắk Nông					Đến nay, đã có những kết quả tích cực trong sản xuất, nhân rộng tại địa bàn triển khai
II	Lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản					
1	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi ong mật và sơ chế sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa tại Đắk Nông		Xây dựng 10 mô hình nuôi ong, khai thác, sơ chế bảo quản mật ong; xây dựng mô hình tinh lọc giảm thủy phần mật ong với công suất của máy đạt yêu cầu (1.000 tấn/năm), mật ong thành phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu	4.430	1.100	Áp dụng các công nghệ tiên tiến xây dựng vùng sản xuất và sơ chế các sản phẩm ong mật để xuất khẩu, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đồng thời tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống ở địa phương
2	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi bò thịt theo hướng chất lượng cao tại tỉnh Đắk Nông		Mô hình cái tạo bò địa phương bằng bò lai Brahman đã cung cấp 9 bò dục giống lai Brahman chất lượng cao, phối giống 274 lượt bò cái, thụ tinh nhân tạo cho 121 lượt bò cái, bê lai sinh ra có khối lượng lớn hơn bò địa phương 20 - 30%.	1.120	1.440	Nhận thức của người dân về kỹ thuật chăn nuôi, vỗ béo, lai tạo bò đã có những thay đổi rõ nét.

Stt	Dự án	Quy mô	Kết quả	Nguồn vốn (triệu đồng)		Hiệu quả
				Sự nghiệp	Đầu tư	
III	Lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ chế biến					
1	Áp dụng công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh đa chức năng và phân bón hữu cơ vi sinh vật đa chức năng tại tỉnh Đắk Nông		Tiếp nhận và làm chủ công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật đa chức năng và phân bón hữu cơ vi sinh vật; xây dựng các mô hình sử dụng chế phẩm tại địa phương	1.740	760	Sản xuất chế phẩm vi sinh vật chức năng và phân bón hữu cơ vi sinh vật góp phần giảm chi phí trong trồng trọt, định hướng phát triển nông nghiệp bền vững
TỔNG				15.620	22.900	

Phụ lục 04. Các đề tài nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ
(Kèm theo Báo cáo số 143-BC/TU, ngày 12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Stt	Tên	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá
1	Lĩnh vực trồng trọt			
1	Nghiên cứu xây dựng quy trình phòng chống bệnh virus và mô hình sản xuất tiên tiến trên cây chanh dây (Passiflora Edulis) ở Đắk Nông	Xác định tác nhân và tìm ra những giải pháp an toàn để quản lý hiệu quả bệnh do virus và một số dịch hại quan trọng khác trên cây chanh dây. Từ đó, xây dựng mô hình sản xuất chanh dây tiên tiến có áp dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả cao và bền vững hơn	Tạo ra 01 quy trình giám định bệnh virus và 01 quy trình phòng chống bệnh virus trên chanh dây; 02 mô hình chanh dây cải tiến từ phương thức sản xuất truyền thống và mô hình chanh dây theo sản xuất tiên tiến...	Sau khi được đánh giá nghiệm thu, quy trình kỹ thuật và các phương thức sản xuất tiên tiến được người dân áp dụng khá rộng rãi
2	Nghiên cứu, ứng dụng một số giải pháp khoa học, tổng hợp để tái canh sớm cây cà phê tại Đắk Nông	Quản lý được tác nhân gây chết cây cà phê tái canh, đề xuất qui trình trồng tái canh sớm cây cà phê sau 6 - 12 tháng tại Đắk Nông	xây dựng được Quy trình kỹ thuật trồng tái canh sớm cây cà phê sau 6-12 tháng có hiệu quả kỹ thuật cao; 4 mô hình (1ha/mô hình) tái canh sớm cây cà phê sau 6-12 tháng có hiệu quả kỹ thuật cao	Được người dân duy trì, phát triển khá tốt
3	Nghiên cứu kỹ thuật trồng, chăm sóc và xử lý cho cây hoa đào nở vào đúng dịp tết Nguyên đán tại một số vùng sinh thái trên địa bàn tỉnh Đắk Nông		960 cây hoa đào các loại (4 giống: Đào Bích, đào phai, đào Bạch) .	Cây hoa đào phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng Đắk Nông và có khả năng ứng dụng trong thực tiễn, người dân chưa áp dụng để sản xuất
4	Xây dựng mô hình ứng dụng bả protein sản xuất từ men bía để phòng trừ ruồi đục quả gây hại trên một số loại rau ăn quả gây hại trên một số loại rau ăn quả và cây xoài tại tỉnh Đắk Nông Năm 2011 - 2012		Mô hình sử dụng bả protein sản xuất từ men bía để phòng trừ ruồi đục quả gây hại trên một số loại rau ăn quả và cây xoài tại tỉnh Đắk Nông, kết hợp tổ chức được 03 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân tham gia xây dựng mô hình với 120 học viên tham gia (tại các địa điểm: thành phố Gia Nghĩa, xã Đắk Gàn, Đắk Mil và xã Tâm Thắng, Cư Jút tỉnh Đắk Nông).	

Stt	Tên	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá
5	Ứng dụng đồng bộ một số tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất, chế biến cà phê theo hướng an toàn, bền vững	Khắc phục được tình trạng nhân giống truyền thống bằng hạt là chủ yếu (nhân giống hữu tính)	Nông dân sử dụng công nghệ nhân giống cả phê bằng phương pháp như ghép, đang dần phổ biến và ứng dụng rộng rãi như: phương pháp ghép nối ngọn mà chồi ghép là một đoạn ngọn thu từ vườn nhân chồi ghép, còn gốc ghép là cây trồng ngoài đồng (để cái tạo vườn cây)	Thiết lập một số vườn nhân chồi giống cao sản như TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, đã giúp nông dân ứng dụng hiệu quả cao
II	Lĩnh vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản			
I	Nghiên cứu ứng dụng một số học môn sinh sản và xây dựng công thức lai tạo để nâng cao chất lượng đàn bò trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Xây dựng các công thức lai tạo và công thức hoóc môn đến kết quả động dục đồng loạt cái thiến được thể trạng, chất lượng, năng suất đàn bò địa phương lên 40-50% và phát triển chăn nuôi bò thịt theo hướng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Xây dựng thành công mô hình cái tạo bò địa phương theo hướng bỏ thịt chất lượng cao với quy mô 2 con bò đực giống Zebu (Brahman) và sử dụng các loại học môn sinh sản gây động dục đồng loạt đối với 100 con bò cái địa phương được phối giống theo phương án nháy trực tiếp hoặc gieo tinh nhân tạo để tạo đàn bò lai hướng thịt ...	Đến nay, mô hình vẫn được duy trì và nhân rộng ở địa bàn huyện Đắk Mil.
III	Lĩnh vực Thủy lợi			
I	Nghiên cứu đánh giá tài nguyên nước mặt, đề xuất các giải pháp khai thác hợp lý phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng Đông Bắc tỉnh Đắk Nông		Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, các giải pháp công nghệ để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước của khu vực được nghiên cứu.	Đề tài có ứng dụng vào thực tiễn nhưng ở mức độ chưa cao.
IV	Lĩnh vực Lâm nghiệp			
I	Điều tra đa dạng sinh học hệ thực vật bậc cao và xây dựng vườn thực vật tại rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp, xã Đă Sôr, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông		- Xác định diện tích, đặc điểm các dạng thảm thực vật tại khu rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp. - Quy hoạch và xây dựng vườn thực vật với diện tích 102,88 ha. - Xây dựng một số tiêu bản thực vật.	Đề tài đã áp dụng vào thực tiễn nhưng ở mức độ chưa cao.

Stt	Tên	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá
V	Lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ chế biến			
1	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống và sản xuất cây lan Gấm (<i>Anoectochilus roxburghii</i>) tại tỉnh Đắk Nông	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống cây Lan gấm và thuần hóa cây con sau nhân giống invitro, tạo cây giống có chất lượng tốt nhằm góp phần công tác bảo tồn nguồn gen, đa dạng hóa cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp tại tỉnh Đắk Nông Hoàn thiện quy trình công nghệ mới sản xuất tiêu trắng chất lượng cao bằng hơi quá nhiệt; nghiên cứu, chế tạo thiết bị tích hợp với thiết bị chế biến tiêu trắng để tận thu tinh dầu tiêu và hoàn thiện quy trình sản xuất Piperine chất lượng cao từ phế, phụ phẩm trong quá trình chế biến tiêu trắng	1.200 bình giống Lan gấm (Erlen 250ml) đạt tiêu chuẩn cây sạch bệnh, chiều cao ≥ 4 cm; số lá/cây ≥ 2; 9.600 cây ra ngôi ngoài vườn ươm đạt tiêu chuẩn 3 - 4 lá/cây, cao 5-7 cm; 02 mô hình trồng thử nghiệm cây Lan gấm trong nhà lưới và bán thủy canh trong nhà kính... Sản xuất 100 kg Tiêu trắng chất lượng cao; 20 lít Tinh dầu tiêu; 5 kg Piperine cùng các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm hồ tiêu	Hiệu quả đối với mô hình trồng thử nghiệm không cao
2	Hoàn thiện qui trình sản xuất piperine và tích hợp công nghệ thu tinh dầu trong quá trình chế biến tiêu trắng			
3	Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống hồ tiêu (<i>Piper nigrum</i> L.) sạch bệnh		Thu thập lựa chọn được 1-2 dòng hồ tiêu có khả năng chống chịu bệnh chết nhanh, chết chậm; ứng dụng quy trình nhân giống hồ tiêu sạch bệnh bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào và sản xuất được 10.000 giống cây hồ tiêu bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào Xây dựng 01 quy trình công nghệ xử lý chín quả bơ trồng tại Đắk Nông với tỷ lệ chín đều trên 95%, đảm bảo chất lượng cảm quan, dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm; Xây dựng được 02 mô hình ứng dụng kỹ thuật sơ chế, xử lý, bao gói, bảo quản quả bơ; qui mô vừa và nhỏ; đảm bảo các mô hình có hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và khả năng nhân rộng	
4	Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật bảo quản bơ sau thu hoạch	Xây dựng được qui trình sơ chế, xử lý, bao gói, bảo quản bơ trồng tại Đắk Nông đảm bảo bảo quản ≥ 35 ngày; tỉ lệ thối hỏng $< 5\%$; đảm bảo duy trì chất lượng cảm quan, dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm;		

Sst	Tên	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá
5	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano trong canh tác cây bơ tại tỉnh Đắk Nông	Chế tạo được bộ phân bón lá nano vi lượng gồm 4 loại và xây dựng được quy trình sử dụng trong canh tác cây bơ và chế phẩm nano bảo vệ thực vật và quy trình sử dụng để hạn chế tác hại của các nấm gây các bệnh thán thư và bệnh thối thân thối trái, bệnh ghẻ vỏ quả cho cây bơ		
6	Điều tra, đánh giá và xây dựng mô hình sản xuất xoài, bơ, sầu riêng an toàn theo chuỗi giá trị hướng tới xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Xây dựng mô hình để đề xuất các giải pháp, dự báo các vùng trồng có triển vọng, cấp được mã số vùng trồng và chuyển giao các quy trình, công nghệ phát triển sản phẩm xoài, bơ, sầu riêng an toàn theo chuỗi giá trị, hướng đến xuất khẩu		
7	Tạo lập và quản lý chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm tiêu của tỉnh Đắk Nông	Tạo lập thành công chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hồ tiêu thương phẩm của tỉnh Đắk Nông và thiết lập mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý phù hợp và hiệu quả trên thực tế nhằm duy trì danh tiếng sản phẩm, nâng cao giá trị thương phẩm, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm qua đó mở rộng thị trường, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao đời sống người dân sản xuất và kinh doanh hồ tiêu		
8	Chiến lược phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh Đắk Nông đến năm 2020		Cung cấp được chiến lược phát triển phù hợp, để xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, có khả năng cạnh tranh dựa trên nền tảng của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa sử dụng công nghệ cao nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Đắk Nông	

Stt	Tên	Mục tiêu	Kết quả	Đánh giá
9	Nghiên cứu đề xuất một số mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp chủ lực và đưa ra các giải pháp đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Đắk Nông	Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị nhằm gia tăng giá trị sản xuất các sản phẩm nông nghiệp; Đề xuất hệ thống các giải pháp và điều kiện thực hiện nhằm khuyến khích liên kết sản xuất nông nghiệp		Thông qua phát triển liên kết nhằm thúc đẩy việc cải tiến chuỗi giá trị, tăng giá trị tăng thêm cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Đắk Nông.

Phụ lục 05. Một số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tiêu biểu
(Kèm theo Báo cáo số 143 -BC/TU ngày 16/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Tên mô hình nông nghiệp công nghệ cao	Thông tin sản phẩm chủ yếu của cơ sở, doanh nghiệp	Địa điểm	Tên chủ cơ sở và doanh nghiệp
I	Trồng trọt			
1	Trang trại Gia an	Măng cụt, Bơ, Sầu riêng...	Bon Sréú, Đăk Nía, Gia Nghĩa	Trần Quang Đông
2	Trang trại Gia trung	Sầu riêng, Bơ, Chôm chôm...	Bon Sréú, Đăk Nía, Gia Nghĩa	Nguyễn Ngọc Trung
3	Công Ty TNHH Trang trại xanh Thu Thủy	Tiêu, dầu tày cá chua... ứng dụng công nghệ cao	Thôn 10, Nám N'Jang, Đăk Song	Đinh Xuân Thu
4	HTX Nông nghiệp Công Bằng	Cà phê	Thôn Đức An, xã Thuận An, huyện Đăk Mil	Nguyễn Hữu Hà
5	HTX Xoài Đăk Gản	Xoài	Thôn Bắc Sơn, xã Đăk Gản, huyện Đăk Mil	Hà Quang Đạo
6	HTX Nông lâm nghiệp Đăk Mil	Sầu riêng	05A Đức Đoài, Đức Minh, Đăk Mil	Võ Thanh Danh
7	HTX Nông nghiệp TMDV DANOFARM	Dệt thổ cẩm, mây tre đan	Xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong	Tạ Thị Liên
8	Tổ hợp tác Rượu cần Đăk Nía	Rượu cần	Xã Đăk Nía, TP Gia Nghĩa	H' Mai
9	Tổ Hợp tác Thổ cẩm Đăk Nía	Dệt thổ cẩm	Xã Đăk Nía, TP Gia Nghĩa	H' Bình
10	Trang trại Quang Sáng	Nông nghiệp hữu cơ	Xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong	Ngô Thanh Sáng

STT	Tên mô hình nông nghiệp công nghệ cao	Thông tin sản phẩm chủ yếu của cơ sở, doanh nghiệp	Địa điểm	Tên chủ cơ sở và doanh nghiệp
11	Trang trại Thiên Nhiên	Rau	Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	Trần Ngọc Tuyền
12	Tổ hợp tác Thổ cẩm Bon Pi Nao, xã Nhân Đạo	Đệt thổ cẩm	Xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp	H' Jôn
13	Trang trại Ông tám	Sản xuất dưa lưới đạt tiêu chuẩn ViệtGAP	Xã Đắk Gằn huyện Đắk Mil	Nguyễn Thế Độ
14	Hoạt Sen	Sản xuất dưa lưới, dưa tây công nghệ cao	Phường Nghĩa Đức TP Gia Nghĩa	Nguyễn Thị Ngọc Sen
15	Cửa hàng và cơ sở sản xuất rau hữu cơ Bách Thảo	Rau hữu cơ Bách Thảo	Tổ 4 phường Nghĩa Phú TP Gia Nghĩa	Trương Thị Dạm Tuyết
16	Hợp tác xã sản xuất nông, lâm nghiệp hữu cơ Quảng Phú	Cam, quýt	Thôn Phú Thuận, xã. Quảng Phú, huyện Krông Nô	Nguyễn Thị Mai
II	Chăn nuôi			
1	Công ty TNHH MTV sản xuất NNCNC TM-DV-DL nguyên thành phát	Khu NN CNC kết hợp với du lịch sinh thái nuôi cá chép, rô phi, trắm, chép...; Gà vịt phục vụ du lịch	Xã Đắk Wer, Đắk R'Lấp	Nguyễn Trung Thành
2	Nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch	Ồi, xoài, nuôi đế, ếch, rắn mối...	P. Nghĩa Đức - TP Gia Nghĩa	Lê Đình Hồ
3	Trang trại dê Duy Hùng	Nuôi dê và tiêu hữu cơ	Thôn 7 xã Đắk Ha huyện Đắk Glong	Nguyễn Thị Lệ

Phụ lục 06. Danh sách các chủ thể đạt sao Sản phẩm OCOP
(Kèm theo Báo cáo số 443-BCTH ngày 12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Đơn vị tham gia	Số lượng	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Số liên hệ	Tên đại diện	Ghi chú
I	Huyện Cư Jút	4					
1	Công ty TNHH MTV Hà Vân	1	Hạt điều rang muối	Thôn 2, Tầm Thắng, Cư Jút	0935952858	Trịnh Thị Ngọc Vân	SP đạt 3 sao
2	Cơ sở sản xuất bò khô Đức Tâm	1	Khô Bò	Thôn 2, Tầm Thắng, Cư Jút	0934120299	Đỗ Đức Dương	SP đạt 3 sao
3	HTX Nông nghiệp Tiến Thành	1	Cà phê bột (FOT 48 COFFEE)	Xã Cư Knia, huyện Cư Jút	0969739770	Bùi Xuân Nghĩa	SP đạt 3 sao
4	Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Nam Hà	1	Bún Gác thiên nhiên	Tổ dân phố 5, thị trấn Ea Tling, huyện Cư Jút	0911773447	Trần Đình Lượng	SP đạt 3 sao
II	Huyện Krông Nô	5					
1	HTX Tín True Coffee	1	Cà phê bột Tín True Coffee	Tổ 4, Đắk Mâm Krông Nô	0913456239	Hồ Trọng Tín	SP đạt 3 sao
2	HTX PTNN Công Bằng Thanh Thái	2	Cà phê bột, cà phê túi lọc	Thôn Thành Thái, Nam Nung, Krông Nô	0886309707	Lang Thế Thành	SP đạt 3 sao
3	HTX NN Buôn Choah	1	Gạo Buôn Choah	xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	0973911074	Bùi Đình Kiên	SP đạt 3 sao
4	HTX SX lúa gạo Buôn Choah	1	Gạo ST 24 Krông Nô	xã Buôn Choah, huyện Krông Nô	0975545545	Đinh Đăng Linh	SP đạt 4 sao
III	Huyện Đắk Mil	13					
1	Hộ Bơ trái vụ	1	Quả bơ	Đắk lao, Đắk Mil	0972584979	Hồ Văn Hoan	SP đạt 3 sao
2	Công ty TNHH Hoàng Phát	2	Cà phê bột, cà phê hạt	Đức Minh, Đắk Mil	0935654403	Trương Thị Thanh Lam	SP đạt 3 sao

TT	Đơn vị tham gia	Số lượng	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Số liên hệ	Tên đại diện	Ghi chú
3	Trang trại bưởi Hải Nguyên	1	Bưởi ruột hồng	Đắk Sawk, Đắk Mil	0983555146	Nguyễn văn Đàm	SP đạt 3 sao
4	Công ty cổ phần thương mại SaChí Tây Nguyên	1	Dầu sachi	Thôn Đức an, Thuận An, huyện Đắk Mil	0943765858	Bùi Thị Kiều Xuân	SP đạt 4 sao
	Công ty cổ phần thương mại SaChí Tây Nguyên	4	Hạt sachi nhân trắng, Ngũ cốc sachi, Trà sachi, Hạt sachi rang giòn.	Thôn Đức an, Thuận An, huyện Đắk Mil	0943765858	Bùi Thị Kiều Xuân	SP đạt 3 sao
5	HTX NN Công bằng Thuận An	1	Cà phê bột	Thôn Đức an, Thuận An, huyện Đắk Mil	0905229113	Nguyễn Hứa Hạ	SP đạt 4 sao
6	HTX NN DV TM Nguyễn Công	1	Tiêu đỏ Kiên Kiên	xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	0963377345	Nguyễn Công Khanh	SP đạt 3 sao
7	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Gia	1	Mật Ong nguyên chất Đắk Mil	Thôn Thanh Lâm, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	0913479491	Nguyễn Ngọc Phúc	SP đạt 3 sao
8	Công ty TNHH một thành viên Cà phê Hương Quê Đắk Nông	1	Ca Cao bột Hương quê Đắk Nông	Số 198, thôn Đức An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil	0976747938	Nguyễn Văn Quý	SP đạt 3 sao
IV	Thành Phố Gia Nghĩa	6					
1	Cty cổ phần Godere	1	Cà phê bột Godere	Phường Nghĩa Tân, Gia Nghĩa	0911265999	Trần Đình Định	SP đạt 3 sao
2	Trang trại Gia Ân	1	Quả Mãng cụt	Bon Sreu, Đắk Nia, Gia Nghĩa	0938200782	Trần Quảng Đông	SP đạt 3 sao
3	Công ty TNHH TM XNK Macca Sachi Thịnh Phát	1	Hạt Macca sấy	37 Nguyễn Văn Trỗi, Nghĩa Trung, Gia Nghĩa	0942159551	Nguyễn Thị Ngọc Hương	SP đạt 3 sao
4	Hộ Kinh doanh trà Mãng cầu	1	Trà măng cầu	Nghĩa Đức, Gia Nghĩa	0968,462,562	Lê Thị Ly Na	SP đạt 3 sao
5	Trang Trại Gia Trung	1	Quả Sầu Riêng	Bon Sreu, Đắk Nia, Gia Nghĩa	0869549549	Nguyễn Ngọc Trung	SP đạt 3 sao

TT	Đơn vị tham gia	Số lượng	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Số liên hệ	Tên đại diện	Ghi chú
6	Công ty TNHH MTV TM - DV An Phát	1	Hạt Macca sấy	Tổ 4, Nghĩa Trung, Gia Nghĩa	0983086092	Trần Thị Dịu	SP đạt 3 sao
V	Huyện Đắk Song	6					
1	HTX NN hữu cơ - dịch vụ Hòa Phát Đắk Song	1	Sầu riêng tươi	xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	0976584444	Nghiêm Xuân Dung	SP đạt 3 sao
2	Hộ kinh doanh Trần Văn Hồi	1	Trà Nấm Đông trùng hạ Thảo	xã Thuận Hà, huyện Đắk Song	0347475542	Trần Văn Hồi	SP đạt 3 sao
3	Hộ Kinh doanh Nguyễn Hữu Tuấn	1	Cà phê bột STAR	TT Đức An, huyện Đắk Song	0972893959 0833764476	Nguyễn Hữu Tuấn	SP đạt 3 sao
4	HTX TMDV chế biến sản xuất nông nghiệp Đoàn Kết	1	Cà phê bột Rừng lạnh	xã Nam Bình, huyện Đắk Song	0969659179	Lưu Như Bình	SP đạt 3 sao
	Công ty CP Đầu tư và XNK An Phong Đắk Nông - Chi nhánh Đắk Song	1	Cà phê bột DANO	xã Năm N'jang, huyện Đắk Song	0989660709	Nguyễn Nho Lý	SP đạt 3 sao
5	HTX NN TMDV hữu cơ Hoàng Nguyễn	1	Tiêu khô Hữu cơ	xã Thuận Hà, huyện Đắk Song	0985753584	Trần Thị Thu	SP đạt 3 sao
VI	Huyện Tuy Đức	5					
1	Công ty TNHH TM Đoàn Gia	1	Cà phê bột Đoàn Gia Thượng hạng	xã Đắk R'Tiê, huyện Tuy Đức	0093534678	Đoàn Ngọc Hiếu	SP đạt 3 sao
	Công ty TNHH TM Đoàn Gia	1	Cà phê bột Đoàn Gia	xã Đắk R'Tiê, huyện Tuy Đức	0093534678	Đoàn Ngọc Hiếu	SP đạt 3 sao
2	HTX NN Xanh Quảng trực	1	Hạt Macca sấy	Bon Đắk Huýt, xã Quảng Trục	0365668071	Nguyễn Anh Tuấn	SP đạt 3 sao
3	Công ty TNHH Đông trùng Thảo Nguyễn JG	1	Rượu nấm Đông trùng hạ Thảo	Quảng Tâm, Tuy Đức	0984747476	Đỗ Văn Kiều	SP đạt 3 sao
4	Cơ sở sản xuất Mắc ca Như Ý	1	Hạt Macca sấy	Đắk Bukso, Tuy Đức	0935741990	Tôn Nữ Ngọc Như	SP đạt 3 sao

TT	Đơn vị tham gia	Số lượng	Tên sản phẩm	Địa chỉ	Số liên hệ	Tên đại diện	Ghi chú
VII	Huyện Đắk R'lấp	2					
1	Công ty TNHH Hồng Đức	1	Hạt Điều rang muối	Thôn 6, xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp	0988794868	Nguyễn Thị Minh Nguyễn	SP đạt 4 sao
2	Doanh nghiệp tư nhân Toàn Hàng	1	Cà phê Natural Toàn Hàng	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	0965754699	Trương Công Toàn	SP đạt 3 sao
Tổng cộng		41					